



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Địa chỉ: 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Điện thoại: 04.9380098

Fax: 04.9380127

Website: ckosc.com.vn  
Email: osc@ckosc.com.vn

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ I NĂM 2013**

**Báo cáo bao gồm**

- 1. Báo cáo của Ban Giám đốc**
- 2. Bảng cân đối kế toán**
- 3. Báo cáo kết quả kinh doanh**
- 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 5. Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Hà Nội, tháng 4 năm 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

04 - 06

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

07

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 - 17

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính quý I năm 2013

#### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

#### **Danh sách cổ đông sáng lập**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,100,000
2.	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,050,000
3.	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	675,000

#### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

#### **Trụ sở Công ty**

Công ty có trụ sở chính tại Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

#### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty quý I năm 2013 bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Minh Thu   | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Ngô Quang Nam    | Ủy viên Hội đồng quản trị  |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Ngô Quang Nam  | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Lê Thị Mai      | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Hoàng Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc |



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý I năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/03/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty quý I năm 2013.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**



**Chủ tịch hội đồng quản trị**

**Nguyễn Minh Tuấn**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số tại ngày 31/03/2013	Số tại ngày 01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>138,522,007,521</b>	<b>139,546,216,296</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>62,725,950,118</b>	<b>48,640,284,682</b>
1 Tiền	111	V.01	62,725,950,118	48,640,284,682
2 Các khoản tương đương tiền	112	V.02	-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>175,181,150</b>	<b>12,499,242,750</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	175,181,150	12,787,834,750
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(288,592,000)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.10</b>	<b>74,902,302,401</b>	<b>77,573,346,283</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		192,030,314	211,830,314
2 Trả trước cho người bán	132		28,980,000	27,795,000
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		401,835,542	15,455,619,369
5 Các khoản phải thu khác	138		79,936,482,330	67,535,127,385
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,657,025,785)	(5,657,025,785)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>718,573,852</b>	<b>833,342,581</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		430,532,000	32,014,400
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	284,041,852	801,328,181
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		4,000,000	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>7,211,361,536</b>	<b>7,623,535,950</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4,977,134,473</b>	<b>5,644,444,129</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1,968,936,991	2,224,562,824
- Nguyên giá	222		12,924,564,197	12,924,564,197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,955,627,206)	(10,700,001,373)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3,008,197,482	3,419,881,305
- Nguyên giá	228		10,080,365,983	10,080,365,983
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,072,168,501)	(6,660,484,678)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,234,227,063</b>	<b>1,979,091,821</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	2,234,227,063	1,979,091,821
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>145,733,369,057</b>	<b>147,169,752,246</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tại ngày 31/03/2013	Số tại ngày 01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>6,933,171,965</b>	<b>10,483,277,606</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6,933,171,965</b>	<b>10,483,277,606</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	2,400,000,000	1,500,000,000
2 Phải trả người bán	312		-	2,074,419,804
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	29,963,162	28,041,365
5 Phải trả người lao động	315		210,778,833	-
6 Chi phí phải trả	316	V.11	882,544,844	882,544,844
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
9 Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		561,878,800	1,075,619,500
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	V.12	2,831,458,509	4,906,104,276
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16,547,817	16,547,817
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410+430)	<b>400</b>		<b>138,800,197,092</b>	<b>136,686,474,640</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>138,800,197,092</b>	<b>136,686,474,640</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	135,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		210,594,401	210,594,401
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,589,602,691	1,475,880,239
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>145,733,369,057</b>	<b>147,169,752,246</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Người lập

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Đăng Sỹ



Nguyễn Minh Tuấn

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tại ngày 31/03/2013	Số tại ngày 01/01/2013
1 Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3 Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5 Ngoại tệ các loại	005	775.14	774.76
6 Chứng khoán lưu ký	006	136,935,560,000	260,212,070,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	133,346,600,000	152,449,370,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	156,400,000	7,835,460,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	130,774,700,000	142,205,710,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	2,415,500,000	2,408,200,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	30,000,000	30,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	30,000,000	30,000,000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	3,175,700,000	107,532,700,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	4,500,000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3,175,700,000	103,032,700,000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	383,260,000	200,000,000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	383,260,000	200,000,000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	1,491,510,000	1,462,550,000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	1,491,510,000	1,432,550,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	1,491,510,000	1,432,550,000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	30,000,000
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Người lập



Nguyễn Đăng Sỹ

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Minh Tuấn



Mẫu số B 02 - CTCK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Quý I		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
		Năm nay	Năm trước				
<b>1 Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>5,154,988,906</b>	<b>10,608,157,322</b>	<b>10,608,157,322</b>	<b>5,154,988,906</b>	<b>10,608,157,322</b>	<b>10,608,157,322</b>
<i>Trong đó:</i>							
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	1,410,949,609	1,956,937,260	1,956,937,260	1,410,949,609	1,956,937,260	1,956,937,260
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2	1,176,053,400	3,917,566,274	3,917,566,274	1,176,053,400	3,917,566,274	3,917,566,274
Doanh thu khác	01.9	2,567,985,897	4,733,653,788	4,733,653,788	2,567,985,897	4,733,653,788	4,733,653,788
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	5,154,988,906	10,608,157,322	10,608,157,322	5,154,988,906	10,608,157,322	10,608,157,322
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	1,514,641,963	7,385,834,100	7,385,834,100	1,514,641,963	7,385,834,100	7,385,834,100
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	3,640,346,943	3,222,323,222	3,222,323,222	3,640,346,943	3,222,323,222	3,222,323,222
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	920,198,497	1,091,881,917	1,091,881,917	920,198,497	1,091,881,917	1,091,881,917
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	2,720,148,446	2,130,441,305	2,130,441,305	2,720,148,446	2,130,441,305	2,130,441,305
Thu nhập khác	31	10,998,516	14,938,386	14,938,386	10,998,516	14,938,386	14,938,386
Chi phí khác	32	3,138,181	-	-	3,138,181	-	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	7,860,335	14,938,386	14,938,386	7,860,335	14,938,386	14,938,386
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	2,728,008,781	2,145,379,691	2,145,379,691	2,728,008,781	2,145,379,691	2,145,379,691
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	517,286,329	536,344,923	536,344,923	517,286,329	536,344,923	536,344,923
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	2,210,722,452	1,609,034,768	1,609,034,768	2,210,722,452	1,609,034,768	1,609,034,768
Lãi trên cổ phiếu	70	164	119	119	164	119	119

Người lập



Nguyễn Đăng Sỹ

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**





Mẫu số B03 - CTCK

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2,728,008,781	2,145,379,691
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		667,309,656	778,948,947
- Các khoản dự phòng	3		(288,592,000)	(3,631,191,497)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(239,241,333)	(146,584,125)
- Chi phí lãi vay	6		48,178,605	46,665,054
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2,915,663,709	(806,781,930)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		2,667,043,882	37,233,338,047
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4,450,105,641)	637,176,720
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(398,517,600)	(307,575,999)
- Tiền lãi vay phải trả	13		(37,855,168)	(27,528,017)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(97,000,000)	(148,479,726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		599,229,182	36,580,149,095
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,531,556,000)	(12,176,101,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15,878,750,921	37,738,358,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239,241,333	146,584,125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12,586,436,254	25,708,841,125
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,000,000,000	10,002,534,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,100,000,000)	(7,512,642,200)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		900,000,000	2,489,891,800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		14,085,665,436	64,778,882,020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48,640,284,682	9,259,481,845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		62,725,950,118	74,038,363,865

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Người lập



Nguyễn Đăng Sỹ



Nguyễn Minh Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
quý I năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012 của Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương (sau đây gọi tắt là Công ty).

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính tại Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: 135.000.000.000 VND ( Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 13.500.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/03/2013 cơ cấu cổ đông của Công ty là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8,100,000	60.00%
Nguyễn Minh Thu	4,050,000	30.00%
Ngô Quang Nam	675,000	5.00%
Cổ đông khác	675,000	5.00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,500,000</b>	<b>100.00%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là tự doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

**4. Tổng số nhân viên: 37 người**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
quý I năm 2013  
(tiếp theo)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền ký quỹ của người đầu tư để thanh toán tiền mua chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 29/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	03 - 04
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**quý I năm 2013**  
*(tiếp theo)*

**2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, phần mềm thiết kế giao diện và phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 29/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Phần mềm kế toán	03
- Phần mềm thiết kế giao diện	03 - 04
- Phần mềm giao dịch	04 - 07

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ từ 1 - 2 năm.

**5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
quý I năm 2013  
(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền của công ty chứng khoán	59,740,796,389	43,034,322,165
Tiền chờ để thanh toán bù trừ giao dịch CK	2,985,153,729	5,605,962,517
<b>Tổng cộng</b>	<b>62,725,950,118</b>	<b>48,640,284,682</b>

**2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
<b>1. Của Công ty chứng khoán</b>	<b>1,511,910</b>	<b>17,339,483,000</b>
- Cổ phiếu	1,511,910	17,339,483,000
- Trái phiếu	-	-
<b>2. Của người đầu tư</b>	<b>63,915,792</b>	<b>620,669,819,000</b>
- Cổ phiếu	63,915,792	620,669,819,000
- Trái phiếu	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>65,427,702</b>	<b>638,009,302,000</b>

**3. Tình hình đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá TT ngày 31/03/2013 (tăng,giảm)	Tổng giá trị theo giá thị trường tại ngày 31/03/2013
<b>I - CK thương mại</b>	-	-	-	-
<b>II - CK đầu tư</b>	<b>15,646</b>	<b>175,181,150</b>	<b>16,290,850</b>	<b>191,472,000</b>
- CK sẵn sàng để bán	15,646	175,181,150	16,290,850	191,472,000
- CK nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>III - Đầu tư góp vốn</b>	-	-	-	-
<b>IV - Đầu tư tài chính khác</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>15,646</b>	<b>175,181,150</b>	<b>16,290,850</b>	<b>191,472,000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
quý I năm 2013  
(tiếp theo)

**4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>			
Số dư đầu kỳ	12,738,904,217	185,659,980	12,924,564,197
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	12,738,904,217	185,659,980	12,924,564,197
<b>Giá trị đã hao mòn</b>			
Đầu kỳ	10,514,341,393	185,659,980	10,700,001,373
Tăng trong kỳ	255,625,833	-	255,625,833
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	10,769,967,226	185,659,980	10,955,627,206
<b>Giá trị còn lại</b>			
Đầu kỳ	2,224,562,824	-	2,224,562,824
Cuối kỳ	1,968,936,991	-	1,968,936,991

**5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>			
Số dư đầu kỳ	-	10,080,365,983	10,080,365,983
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	-	10,080,365,983	10,080,365,983
<b>Giá trị đã hao mòn</b>			
Đầu kỳ	-	6,660,484,678	6,660,484,678
Tăng trong kỳ	-	411,683,823	411,683,823
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	7,072,168,501	7,072,168,501
<b>Giá trị còn lại</b>			
Đầu kỳ	-	3,419,881,305	3,419,881,305
Cuối kỳ	-	3,008,197,482	3,008,197,482



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý I năm 2013  
(tiếp theo)

<b>6. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/03/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	2,400,000,000	1,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>2,400,000,000</b>	<b>1,500,000,000</b>
<b>7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/03/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	29,963,162	32,786,123
Thuế GTGT	-	152,335,238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(284,041,852)	(801,328,181)
<b>Cộng</b>	<b>(254,078,690)</b>	<b>(616,206,820)</b>
<b>8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán</b>	<b>31/03/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền nộp ban đầu	120,000,000	201,099,596
- Tiền nộp bổ sung	1,721,204,713	1,236,664,358
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	393,022,350	60,093,525
<b>Cộng</b>	<b>2,234,227,063</b>	<b>1,497,857,479</b>

1 / C  
T  
À  
I  
C  
H  
C  
Đ  
Ư  
C

1  
0

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý I năm 2013

Mẫu số B09 - CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
quý I năm 2013  
(tiếp theo)

**09. Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2012		Phát sinh trong kỳ		31/03/2013		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	211,830,314	-	-	19,800,000	192,030,314	192,030,314	192,030,314
2. Trả trước cho người bán	27,795,000	-	2,585,000	1,400,000	28,980,000	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15,455,619,369	-	129,220,645,157	144,274,428,984	401,835,542	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	15,455,619,369	-	129,220,645,157	144,274,428,984	401,835,542	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác.	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu khác.	67,534,953,789	-	187,907,541,126	175,506,012,585	79,936,482,330	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	-	-	-	-	-	-
Phải thu hỗ trợ margin	24,292,514,403	-	120,209,155,902	133,679,198,908	10,822,471,397	-	-
Phải thu hỗ trợ giao dịch chứng khoán	43,242,612,982	-	67,692,496,153	41,822,719,277	69,112,389,858	10,929,990,942	5,464,995,471
Các khoản phải thu khác	(173,596)	-	5,889,071	4,094,400	1,621,075	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83,230,198,472</b>	<b>-</b>	<b>317,130,771,283</b>	<b>319,801,641,569</b>	<b>80,559,328,186</b>	<b>-</b>	<b>5,657,025,785</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 quý I năm 2013  
 (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả	31/03/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước phí giao dịch	-	89,545,576
Chí phí bảo trì hệ thống	882,544,844	882,544,844
<b>Cộng</b>	<b>882,544,844</b>	<b>972,090,420</b>
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/03/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2,423,274,929	4,530,343,017
Các khoản phải trả, phải nộp khác	408,183,580	375,761,259
<b>Cộng</b>	<b>2,831,458,509</b>	<b>4,906,104,276</b>

12. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	01/01/2012	Phát sinh trong kỳ		31/03/2013
		Tăng	Giảm	
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	210,594,401	-	-	210,594,401
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,475,880,239	2,210,722,452	97,000,000	3,589,602,691
<b>Tổng Cộng</b>	<b>136,686,474,640</b>	<b>2,210,722,452</b>	<b>97,000,000</b>	<b>138,800,197,092</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý I năm 2013  
(tiếp theo)

**VII. Những thông tin khác**

**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Quý I năm 2013</b>	<b>Quý I năm 2012</b>
<b>1. Cơ cấu tài sản và vốn</b>		
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	95.05	93.69
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	4.95	6.31
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)	4.76	8.77
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)	95.24	91.23
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
- Khả năng thanh toán nhanh: (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn (Lần)	19.98	10.69
- Khả năng thanh toán hiện thời: TSNH/Nợ ngắn hạn (Lần)	19.98	10.69
- Khả năng thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn (Lần)	9.05	5.81
<b>3. Tỷ suất lợi nhuận</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	42.89	44.26
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu (%)	1.64	3.48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (%)	1.52	3.12

Người lập

Nguyễn Đăng Sỹ

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Minh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN****ĐẠI TÂY DƯƠNG**

Số: 36-2013/CV - OSC

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Quý I/2013 so với quý I/2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước****Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh****Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ quy định tại thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý I.2013 và quý I.2012:

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2013	Quý I/2012	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)	(6) = (5)/(4)
1	Doanh thu thuần	5.154.988.906	10.608.157.322	(5.453.168.426)	(51,4)%
2	Chi phí hoạt động và CP quản lý	2.434.840.460	8.477.716.017	(6.042.875.557)	(71,3)%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.210.722.452	1.609.034.768	601.687.684	37,39%

Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) xin giải trình nguyên nhân dẫn đến sự biến động kết quả kinh doanh trên 10% giữa hai kỳ báo cáo như sau:

- Doanh thu quý I năm 2013 giảm nhiều so với quý I năm 2012 do doanh thu từ hoạt động tự doanh quý I năm 2013 giảm mạnh so với năm trước
- Chi phí quý I/2013 giảm nhiều so với quý I/2012 do công ty giảm lỗ từ hoạt động tự doanh.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động của kết quả kinh doanh quý I.2013 so với quý I/2012 của Công ty CP chứng khoán Đại Tây Dương. Công ty xin báo cáo để ủy ban và Quý Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu HC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN****ĐẠI TÂY DƯƠNG**

CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Minh Tuấn*